

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HS-ST

Ngày: 19-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Na Na

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quang Dũng

Bà Lê Thị Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và Tên: Đỗ Thị Tuyết T (Tên gọi khác: Dạp); sinh ngày 20 tháng 02 năm 1982, tại Quảng Ngãi; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú (tạm trú): Tổ 07, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Cổ (đã chết) và Võ Thị Dung, sinh năm: 1954; có chồng ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2009; con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án; tiền sự: Không;

Về nhân thân: Năm 2015, Đỗ Thị Tuyết T bị Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Quảng Ngãi, xử phạt 30 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Đỗ Thị Tuyết T đã chấp hành xong hình phạt tù và đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ vào ngày 01/12/2020, sau đó chuyển sang tạm giam. Hiện bị cáo đang giam, trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1960; Địa chỉ: Thôn X, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; (*vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Tổ 07, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; (*anh T có mặt tại Tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 30/11/2020, Đỗ Thị Tuyết T điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 76B1-25785 hiệu Honda Lead, màu Xanh đi từ xã T, huyện Tr đến chợ N (xã N, huyện T) để mua hàng hóa. Khi đến chợ, Đỗ Thị Tuyết T gửi xe đi bộ vào trong chợ và ghé vào một cửa hàng trong chợ mua bao ni lông, rồi tiếp tục đi bộ đến cửa hàng của bà Huỳnh Thị Đ để mua đĩa, nhưng không có loại đĩa mà T cần mua. T hẹn bà Đ hôm sau có rồi đến mua. Khi T đi ra khỏi cửa hàng, T nhìn thấy túi xách màu nâu sọc của bà Đ đã để ở trên hàng hóa, T nảy sinh ý định trộm cắp túi xách. Lúc này, bà Đ đang cúi người để cất đĩa, T dùng tay phải lấy túi xách của bà Đ giấu trong áo mưa và đi ra khỏi cửa hàng. Bà Đ phát hiện túi xách bị lấy trộm nên đã đuổi theo T và tri hô: “*cướp, cướp, cướp*”. T đi bộ ra khỏi cửa hàng khoảng 05m thì nghe tiếng tri hô và quay đầu về sau nhìn thấy có một số người đang truy đuổi, T rẽ trái tại Ngã tư trong chợ và tiếp tục đi bộ được khoảng 01m thì T thả túi xách xuống đất, bỏ chạy thì bị người dân trong chợ bắt giữ. Trong túi xách của bà Đ gồm có tiền: 6.492.000đồng (sáu triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) và 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ. Tại bản kết luận số 14/KL- HĐĐGTS ngày 13/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản đã định giá: 01 túi xách màu nâu sọc, đai xách màu đen, không có nhãn hiệu, kích thước (32x 42)cm có giá trị 200.000đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ, số IMEI 1864164045014270, số IMEI 286416404500142062 có giá trị 1.673.000đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản do Đỗ Thị Tuyết T đã trộm cắp có giá trị là 8.365.000đồng (tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

- Trong quá điều tra Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã tạm giữ các tài liệu, đồ vật:

+ 01 túi xách màu nâu sọc; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ và số tiền 6.492.000đồng (tài liệu, đồ vật của bà Huỳnh Thị Đ).

+ 01 túi xách da màu nâu; 01 xe mô tô “Lead” màu Xanh 76B1257-85; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng (mặt trước), màu hồng (mặt sau) có ốp lưng hoa văn; 01 giấy chứng minh nhân dân mang Tn Đỗ Thị Tuyết T; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, màu xanh, có dãy số 97040507233966664; có dòng chữ: “NGUYEN VAN TE”; 01 sợi dây chuyền màu vàng (bị đứt); 01 mặt dây chuyền màu vàng hình tròn, phía sau có số “08”; 01 hoa tai màu vàng; 01 áo mưa màu xanh có hoa văn; số tiền 2.228.000đồng và 01 khẩu trang màu xám có sọc kẻ caro; 01 quần dài nữ màu đen và 01 áo khoát nữ màu đỏ. (Đồ vật, tài liệu tạm giữ đối với Đỗ Thị Tuyết T).

- Tại bản Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 07/2/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Đỗ Thị Tuyết T về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo

Đỗ Thị Tuyết T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù. Không áp dụng biện pháp tư pháp đối với bị cáo T.

- Về phần dân sự: Bà Huỳnh Thị Đ đã nhận lại toàn bộ tài sản gồm: 01 túi xách màu nâu sọc; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ và số tiền 6.492.000đồng và không có yêu cầu gì. Anh Nguyễn Văn T đã nhận lại 01 xe mô tô kiểm soát 76B1 - 25785 và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank. Bà Đ, anh T không có yêu cầu gì. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Phần xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Tuyết T 01 túi xách da màu nâu; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng (mặt trước), màu hồng (mặt sau) có ốp lưng hoa văn; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Đỗ Thị Tuyết T; 01 sợi dây chuyền màu vàng (bị đứt); 01 mặt dây chuyền màu vàng hình tròn, phía sau có số “08”; 01 hoa tai màu vàng và số tiền 2.228.000đồng. Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 áo mưa màu xanh có hoa văn; 01 khẩu trang màu xám có sọc kẻ caro; 01 quần dài nữ màu đen và 01 áo khoát nữ màu đỏ.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Thống nhất không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì bị hại đã có lời khai trong quá trình điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Đỗ Thị Tuyết T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 09 giờ ngày 30/11/2020, bị cáo T đã lợi dụng sự sơ hở của bà Huỳnh Thị Đ, đã lén lút trộm cắp 01 túi xách của bà Huỳnh Thị Đ. Tổng giá trị tài sản do bị cáo T trộm cắp là 8.365.000đồng (*tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo biết rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Đỗ Thị Tuyết T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, nếp sống văn hóa xã hội. Bị cáo có nhân thân chưa tốt. Năm 2015, bị cáo bị TAND huyện Tr xử phạt 30 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù và đã xóa án tích. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn là cần thiết, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống của xã hội trong thời hạn nhất định, để bị cáo nhận thức được sự sai trái về hành vi phạm tội của mình, nhằm mục đích rèn đe và giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, nuôi hai con còn nhỏ. Bị cáo không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về phần dân sự: Bị hại bà Huỳnh Thị Đ đã nhận lại 01 túi xách; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ và số tiền 6.492.000đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn T đã nhận lại 01 xe mô tô kiểm soát 76B1-25785 và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Tuyết T: 01 túi xách da màu nâu; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng (mặt trước), màu hồng (mặt sau) có ốp lưng hoa văn; 01 giấy chứng minh nhân dân mang Tn Đỗ Thị Tuyết T; 01 sợi dây chuyền màu vàng (bị đứt); 01 mặt dây chuyền màu vàng hình tròn, phía sau có số “08”; 01 hoa tai màu vàng và số tiền 2.228.000đồng.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 áo mưa màu xanh có hoa văn; 01 khẩu trang màu xám có sọc kẻ caro; 01 quần dài nữ màu đen và 01 áo khoát nữ màu đỏ.

(Theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 08/02/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục thi hành án dân sự huyện T)

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về tội danh, về phần dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp với phân tích, đánh giá nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Tuy nhiên, đối với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát huyện T đề nghị là có phần nghiêm khắc.

[9] Về án phí: Bị cáo Đỗ Thị Tuyết T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Tuyết T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/12/2020.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo Đỗ Thị Tuyết T để đảm bảo thi hành án.

2. Về phần dân sự: Bị hại bà Huỳnh Thị Đ đã nhận lại 01 túi xách; 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1820 màu đỏ và số tiền 6.492.000đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn T đã nhận lại 01 xe mô tô kiểm soát 76B1-25785 và 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên trả lại cho bị cáo Đỗ Thị Tuyết T: 01 túi xách da màu nâu; 01 điện thoại di động hiệu Sam sung màu trắng (mặt trước), màu hồng (mặt sau) có ốp lưng hoa văn; 01 giấy chứng minh nhân dân mang Tn Đỗ Thị Tuyết T; 01 sợi dây chuyền màu vàng (bị đứt); 01 mặt dây chuyền màu vàng hình tròn, phía sau có số “08”; 01 hoa tai màu vàng và số tiền 2.228.000đồng.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 áo mưa màu xanh có hoa văn; 01 khẩu trang màu xám có sọc kẻ caro; 01 quần dài nữ màu đen và 01 áo khoát nữ màu đỏ.

(Theo biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 08/02/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T với Chi cục thi hành án dân sự huyện T)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Đỗ Thị Tuyết T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án sơ thẩm xử công khai, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ CA huyện T;
- Phòng NVLT Công an huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Bị cáo (giam)
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Na Na